TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Đức Lợi.
2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Tuyết Trinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 66/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị M** – sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT: Số X, tổ Y, phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Công ty N, số Z, đường C, khu B, thành phố Đ, Đài Loan.

Bị đơn: Anh **Ngô Quang Đ1** – sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Số X, tổ Y, phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình.

(Chị M, anh Đ1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là chị Vũ Thị M trình bày:

Chị và anh Ngô Quang Đ1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình ngày 11/3/2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại địa phương nhưng do anh Đ1 bị bạn bè rủ rê nên đã chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần, chị đã nhiều lần phải trả nợ cờ bạc cho anh Đ1; do đó, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh Đ1 không còn quan tâm đến chị và các con, mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Đ1 vẫn không thay đổi. Chị và anh Đ1 đã ly thân hai năm nay, mỗi

người tự lo cuộc sống riêng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ1.

Chị và anh Đ1 có 02 con chung là Ngô Quang Đ2 sinh ngày 06/9/2012 và Ngô Phương A sinh ngày 06/01/2015. Hiện nay cháu Đ2 đang do bố mẹ đẻ anh Đ1 là bà Hoàng Thị H và ông Ngô Mạnh H1 nuôi dưỡng, cháu Phương A đang ở với bố mẹ đẻ chị là ông Vũ Văn X1 và bà Nguyễn Thị M1. Cả hai cháu được hai bên gia đình chăm sóc giáo dục rất tốt. Ly hôn, chị đề nghị giao cháu Đ2 cho anh Đ1 nuôi dưỡng, chị nuôi dưỡng cháu Phương A, trong thời gian chị ở nước ngoài, chị ủy quyền cho bố mẹ đẻ của chị trông nom, chăm sóc cháu Phương A. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị và anh Đ1 không có tài sản chung.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn – anh Ngô Quang Đ1 trình bày:

Anh và chị Vũ Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình ngày 11/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2016, do kinh tế gia đình khó khăn, cả hai vợ chồng đều đi lao động tại Đài Loan. Đến ngày 26/10/2019, do đã hết thời hạn lao động ở nước ngoài nên anh trở về hẳn Việt Nam. Anh xác định anh và chị M đã mâu thuẫn căng thẳng, thời gian anh còn ở Đài Loan, anh và chị M đã thỏa thuận ly hôn. Nay anh vẫn giữ nguyên ý kiến, đồng ý ly hôn với chị M. Anh và chị M có 02 con chung như chị M khai. Anh đồng ý với ý kiến của chị M về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Anh và chị M không có tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là đúng pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị M được ly hôn anh Ngô Quang Đ1.

+ Về con chung: Giao con chung Ngô Quang Đ2 sinh ngày 06/9/2012 cho anh Đ1 nuôi dưỡng và giao con chung Ngô Phương A sinh ngày 06/01/2015 cho chị M nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị M và anh Đ1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị M và anh Lê Quang Đ1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình ngày 11/3/2013 – đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Lời khai của chị M và anh Đ1 đều thể hiện vợ chồng đã mâu thuân từ nhiều năm nay, do anh Đ1 chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Hiện nay chị M và anh Đ1 mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Đ1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M và anh Đ1 ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị M và anh Đ1 có 02 con chung là Ngô Quang Đ2 sinh ngày 06/9/2012 và Ngô Phương A sinh ngày 06/01/2015, hiện nay cháu Đ2 đang ở với anh Đ1, cháu Phương A đang được bố mẹ đẻ chị M là ông Vũ Văn X1 và bà Nguyễn Thị M1 ở thôn V, xã Đ3, huyện Đ4, tỉnh Thái Bình chăm sóc, chị M vẫn có trách nhiệm gửi tiền cho bố mẹ chị nuôi dưỡng chăm sóc các con nên quyền lợi của các con vẫn được đảm bảo. Để cho cuộc sống của các cháu ổn định, cần chấp nhận đề nghị của chị M và anh Đ1, giao cháu Đ2 cho anh Đ1 nuôi dưỡng, giao cháu Phương A cho chị M nuôi dưỡng; chị M, anh Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị M, anh Đ1 đều khai vợ chồng không có tài sản chung.

[2.4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị M được ly hôn anh Ngô Quang Đ1.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Quang Đ2 sinh ngày 06/9/2012 cho anh Đ1 nuôi dưỡng, giao con Ngô Phương A sinh ngày 06/01/2015 cho chị M nuôi dưỡng, chị M, anh Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M, anh Đ1 có quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh Đ1 không có tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008961 ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *UBND phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh